

**DANH MỤC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM HIỆN HÀNH
VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG
(TCVN, TCXD & TCXDVN : 1971 - 2025)**

(CDDo cập nhật ngày 25/12/2025)

Ký hiệu Tiêu chuẩn	Tên Tiêu chuẩn
BÊ TÔNG	
TCVN 4506:2012	Nước trộn bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6025:1995	Bê tông. Phân mức theo cường độ nén
TCVN 8228:2009	Hỗn hợp bê tông thủy công. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9034:2011	Vữa và bê tông chịu axit
TCVN 10306:2014	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ
TCVN 12209:2018	Bê tông tự lèn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12393:2018	Bê tông cốt sợi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12631:2020	Bê tông tự lèn - Thiết kế thành phần
TCXD 191:1996	Bê tông và vật liệu làm bê tông – Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 12583:2019	Vật liệu composite polime dùng để gia cường lớp mặt ngoài kết cấu bê tông cốt thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
BÊ TÔNG NHẸ	
TCVN 7959:2017	Bê tông nhẹ - Sản phẩm bê tông khí chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9028:2011	Vữa cho bê tông nhẹ
TCVN 9029:2017	Bê tông nhẹ - Sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9030:2011	Bê tông nhẹ- Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp - Phương pháp thử
TCVN 10655:2015	Chất tạo bọt cho bê tông bọt – Yêu cầu kỹ thuật.
TCVN 11968:2018	Bột nhôm dùng để sản xuất bê tông khí - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 12302:2018	Tấm tường nhẹ ba lớp xen kẽ
CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG	

TCVN 6220:1997	Cốt liệu nhẹ cho bê tông. Sỏi, dăm sỏi và cát keramzit. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7570:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9205:2012	Cát nghiền cho bê tông và vữa
TCVN 10796:2015	Cát mịn cho bê tông và vữa
TCVN 11969:2018	Cốt liệu lớn tái chế cho bê tông
TCVN 12208:2018	Cốt liệu cho bê tông cần xà
TCVN 11586:2016	Xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa
TCVN 13754:2023	Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa
TCVN 13907:2024	Xỉ hạt phốt pho lò điện nghiền mịn dùng cho xi măng và bê tông
TCVN 13908-1:2024	Cốt liệu xỉ cho bê tông – Phần 1: Cốt liệu xỉ lò cao
TCVN 13908-2:2024	Cốt liệu xỉ cho bê tông - Phần 2: Cốt liệu xỉ oxy hoá lò hồ quang điện

THÉP CỐT BÊ TÔNG – SỢI THÉP – SỢI POLYME

TCVN 1651-1:2018	Thép cốt bê tông - Phần 1: Thép thanh tròn trơn
TCVN 1651-2:2018	Thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn.
TCVN 1651-3:2008	Thép cốt bê tông - Phần 3: Lưới thép hàn
TCVN 1848:1976	Dây thép kết cấu cacbon
TCVN 6288:1997	Dây thép vuốt nguội để làm cốt bê tông và sản xuất lưới thép hàn làm cốt
TCVN 7934:2009	Thép phủ epoxy dùng làm cốt bê tông
TCVN 7936:2009	Bột epoxy và vật liệu bịt kín cho lớp phủ thép cốt bê tông
TCVN 9390:2012	Thép cốt bê tông - Mỗi nối bằng dập ép ống - Yêu cầu thiết kế thi công và nghiệm thu
TCVN 8163:2009	Thép cốt bê tông. Mỗi nối bằng ống ren
TCVN 12392-1:2018	Sợi cho bê tông cốt sợi - Phần 1: Sợi thép
TCVN 12392-2:2018	Sợi cho bê tông cốt sợi - Phần 2: Sợi polyme
TCVN 12514:2018	Thép có lớp phủ kẽm dùng làm cốt bê tông
TCVN 13684-1:2023	Thép cốt bê tông – Thanh thép cốt có đầu neo – Phần 1: Các yêu cầu
TCVN 13711-1:2023	Thép cốt bê tông – Mỗi nối bằng ống ren – Phần 1: Các yêu cầu

TCVN 13711-3:2023 Thép cốt bê tông – Mỗi nối bằng ống ren – Phần 3: Chương trình đánh giá sự phù hợp

CÁP & THÉP CỐT BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC

TCVN 6284-1:1997	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6284-2:1997	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 2: Dây kéo nguội
TCVN 6284-3:1997	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 3: Dây tôi và ram
TCVN 6284-4:1997	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 4: Dảnh
TCVN 6284-5:1997	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 5: Thép thanh cán nóng có hoặc không xử lý tiếp
TCVN 7935:2009	Cáp phủ epoxy bê tông dự ứng lực.
TCVN 10568:2017	Bộ neo thép cường độ cao – Neo tròn T13, T15 và neo dẹt D13, D15
TCVN 10952:2015	Cáp dự ứng lực bọc epoxy từng sợi đơn

CẤU KIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP & CỐT SỢI ĐÚC SẴN

TCVN 2276:1991	Tấm sàn hộp bê tông cốt thép dùng làm sàn và mái nhà dân dụng
TCVN 5847:2016	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm
TCVN 6393:1998	Ống bơm bê tông vỏ mỏng có lưới thép
TCVN 6394:2014	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn
TCVN 7888:2014	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước
TCVN 9029:2011	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9113:2012	Ống bê tông cốt thép thoát nước
TCVN 9114:2019	Sản phẩm bê tông cốt thép ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận
TCVN 9116:2012	Cống hộp bê tông cốt thép
TCVN 10332:2014	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn
TCVN 10333-1:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 1: Hố thu nước mưa và hố ngăn mùi
TCVN 10333-2:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 2: Giếng thăm hình hộp
TCVN 10333-3:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Phần 3: Nắp và song chắn rác

TCVN 10333-4:2019	Hồ ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Phần 4: Giếng thăm hình trụ
TCVN 10334:2014	Bể tự hoại bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn dùng cho nhà vệ sinh
TCVN 10797:2015	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn
TCVN 10798:2015	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường
TCVN 10799:2015	Gối cống bê tông đúc sẵn
TCVN 10800:2015	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Bể lọc chậm và bể chứa nước sinh hoạt
TCVN 11524:2016	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép
TCVN 12040:2017	Mương bê tông cốt sợi thành mỏng đúc sẵn
TCVN 12604-1:2019	Kết cấu bảo vệ bờ biển - Cấu kiện kè bê tông cốt sợi polyme đúc sẵn - Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử
TCVN 12867:2020	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép - Yêu cầu kỹ thuật
TCXD 235:1999	Dầm bê tông cốt thép ứng lực trước PPB và viên blocc bê tông dùng làm sàn và mái nhà

THÉP KẾT CẤU – THÉP KHÔNG GỈ

TCVN 5709:2009	Thép cacbon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6283-1:1997	Thép thanh cán nóng. Phần 1: Kích thước của thép tròn.
TCVN 6283-2:1997	Thép thanh cán nóng. Phần 2: Kích thước của thép vuông
TCVN 6283-3:1997	Thép thanh cán nóng. Phần 3: Kích thước của thép dẹt
TCVN 6283-4:1999	Thép thanh cán nóng. Phần 4. Dung sai
TCVN 6522:2018	Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu
TCVN 6523:2018	Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu có giới hạn chảy cao
TCVN 6524:2018	Thép cacbon tấm mỏng cán nguội chất lượng kết cấu
TCVN 6525:2018	Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu mạ kẽm và hợp kim kẽm - sắt nhúng nóng liên tục
TCVN 7571-1:2019	Thép hình cán nóng. Phần 1: Thép góc cạnh đều
TCVN 7571-2:2019	Thép hình cán nóng. Phần 2: Thép góc cạnh không đều
TCVN 7571-11:2019	Thép hình cán nóng. Phần 11: Thép chữ C

TCVN 7571-15:2019	Thép hình cán nóng. Phần 15: Thép chữ I
TCVN 7571-16:2017	Thép hình cán nóng. Phần 16: Thép chữ H
TCVN 7571-21:2019	Thép hình cán nóng - Phần 21: Thép chữ T
TCVN 7858:2018	Thép cacbon tấm mỏng cán nguội chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt
TCVN 8991:2021	Sản phẩm thép cán nguội mạ thiếc - Thép tấm mạ thiếc bằng điện phân
TCVN 8993:2021	Sản phẩm thép cán nguội mạ thiếc - Thép mạ crom/crom oxit bằng điện phân
TCVN 8994:2021	Sản phẩm thép cán nguội mạ thiếc - Thép tấm đen
TCVN 9986-2:2025	Thép kết cấu – Phần 2: Điều kiện kỹ thuật khi cung cấp thép kết cấu thông dụng
TCVN 10355:2018	Thép cacbon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm - sắt nhúng nóng liên tục
TCVN 11791:2017	Thép kết cấu - Điều kiện kỹ thuật khi cung cấp thép chịu ăn mòn khí quyển
TCVN 12109-2:2018	Thép không gỉ thông dụng - Phần 2: Bán thành phẩm, thép thanh, thép thanh que và thép hình chịu ăn mòn
TCVN 12109-3:2018	Thép không gỉ thông dụng - Phần 3: Thép dây
TCVN 13027:2022	Thép tấm và thép băng phủ hợp kim 55 % nhôm-kẽm và hợp kim 52 % nhôm-kẽm-magie nhúng nóng liên tục
TCVN 13604:2023	Thanh trong khung thép không chịu lực – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 14207:2024	Thép không gỉ hàm lượng niken thấp, mangan cao
TCVN 14508:2025	Thép băng cacbon cán nóng làm ống

CỌC THÉP

TCVN 9245:2024	Cọc ống thép
TCVN 9246:2024	Cọc ống ván thép
TCVN 9685:2025	Cọc ván thép cán nóng
TCVN 9686:2025	Cọc ván thép cán nóng hàn được
TCVN 11197:2015	Cọc thép - Phương pháp chống ăn mòn - Yêu cầu và nguyên tắc lựa chọn

QUE HÀN & DÂY THÉP HÀN

TCVN 2362:1993	Dây thép hàn
TCVN 3223:2000	Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp. Ký hiệu, kích thước và yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 3734:1989	Que hàn nóng chảy hàn hồ quang tay. Ký hiệu

CÁC LOẠI GẠCH

TCVN 1450:2009	Gạch rỗng đất sét nung
TCVN 1451:1998	Gạch đặc đất sét nung
TCVN 2118:1994	Gạch canxi- silicat. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6065:1995	Gạch xi măng lát nền
TCVN 6074:1995	Gạch lát granito
TCVN 6476:1999	Gạch bê tông tự chèn
TCVN 6477:2016	Gạch bê tông
TCVN 7744:2013	Gạch terrazzo
TCVN 13113:2020	Gạch ốp lát - Định nghĩa, phân loại, đặc tính kỹ thuật và ghi nhãn
TCVN 13949:2024	Gạch chịu axit
TCXD 90:1982	Gạch lát đất sét nung
TCXD 111:1983	Gạch trang trí đất sét nung
TCXD 123:1984	Gạch không nung- Yêu cầu kỹ thuật

VỮA, BỘT MÀU, KEO DÁN GẠCH, VẬT LIỆU LÀM PHẪNG SÀN

TCVN 4314:2022	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4459:1987	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng
TCVN 5696:1992	Bột màu xây dựng - Xanh crom oxit
TCVN 7899-1:2008	Gạch gồm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 1: Thuật ngữ, định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật đối với vữa, keo dán gạch
TCVN 7899-2:2008	Gạch gồm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 2: Phương pháp thử vữa, keo dán gạch
TCVN 7899-3:2008	Gạch gồm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 3: Thuật ngữ, định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật đối với vữa, keo chít mạch
TCVN 7899-4:2008	Gạch gồm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 4: Phương pháp thử vữa, keo chít mạch

TCVN 9204:2012	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co
TCVN 9034:2011	Vữa và bê tông chịu axit
TCVN 9079:2012	Vữa bền hóa gốc polyme. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 11971:2018	Vữa chèn cấp dự ứng lực
TCVN 13598-1:2022	Chất kết dính và vữa thạch cao - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCXDVN 336:2005	Vữa dán gạch ốp lát - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13978:2024	Vật liệu làm phẳng sàn – Tính chất và yêu cầu kỹ thuật

ĐÁ ỐP LÁT

TCVN 4732:2016	Đá ốp lát tự nhiên
TCVN 5642:1992	Đá khối thiên nhiên để sản xuất đá ốp lát
TCVN 8057:2009	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ
TCVN 13945:2024	Tấm đá tự nhiên lát ngoài trời
TCVN 14157:2024	Viên đá tự nhiên lát ngoài trời

NGÓI

TCVN 1452:2023	Ngói đất sét nung và phụ kiện - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 1453:2023	Ngói bê tông và phụ kiện
TCVN 7195:2002	Ngói tráng men
TCVN 9133: 2011	Ngói gốm tráng men

TẤM LỢP

TCVN 3600:1981	Thép tấm mỏng lợp nhà, mạ kẽm và rửa axit. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 4434:2000	Tấm sóng amiăng xi măng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 5819:1994	Tấm sóng PVC cứng
TCVN 8052-1:2009	Tấm lợp bitum dạng sóng. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8053:2009	Tấm lợp dạng sóng. Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt

TẤM THẠCH CAO, PANEL THẠCH CAO, TẤM XI MĂNG SỢI, TẤM 3D, KHUNG TREO TRẦN

TCVN 8256:2022	Tấm thạch cao - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8258:2009	Tấm xi măng sợi. Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 7575-1:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 1: Qui định kỹ thuật
TCVN 7575-2:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 2: Phương pháp thử
TCVN 7575-3:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 3: Hướng dẫn lắp dựng
TCVN 12693:2020	Vật liệu cho mỗi nôi các tấm thạch cao
TCVN 12694:2020	Hệ khung treo kim loại cho tấm trần - Yêu cầu kỹ thuật về sản xuất, tính năng và phương pháp thử
TCVN 13560:2022	Panel thạch cao cốt sợi - Yêu cầu kỹ thuật

SỬ VỆ SINH – THIẾT BỊ VỆ SINH – HỒ THU NƯỚC

TCVN 7743:2007	Sản phẩm sử vệ sinh. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 12494:2018	Vòi nước vệ sinh - Van đóng tự động PN10
TCVN 12495:2018	Vòi nước vệ sinh - Van xả áp lực và van bồn tiểu nam đóng tự động PN10
TCVN 12496:2018	Vòi nước vệ sinh - Vòi nước vệ sinh đóng và mở bằng điện
TCVN 12497:2018	Van cấp cho két xả có chảy tràn bên trong
TCVN 12498:2018	Két xả bệ xí và bồn tiểu nam
TCVN 12499:2018	Bồn tiểu nam treo tường - Kích thước lắp nôi
TCVN 12500:2018	Vòi nước vệ sinh - Hiệu quả sử dụng nước
TCVN 12501:2018	Bệ xí bệt - Hiệu quả sử dụng nước
TCVN 12646:2020	Sen vòi vệ sinh - Yêu cầu kỹ thuật chung cho lớp mạ điện Ni-Cr
TCVN 12647:2020	Bệ xí xồm
TCVN 12648:2020	Thiết bị vệ sinh - Chậu rửa - Yêu cầu tính năng và phương pháp thử
TCVN 12649:2020	Bệ xí bệt và bộ bệ xí bệt có bẫy nước tích hợp
TCVN 12650:2020	Sản phẩm sử vệ sinh - Yêu cầu về chất lượng của thiết bị sử vệ sinh
TCVN 12651:2020	Bồn tiểu nam treo tường - Yêu cầu chức năng và phương pháp thử
TCVN 12652:2020	Bồn tiểu nữ - Yêu cầu chức năng và phương pháp thử
TCVN 13501:2022	Vòi nước vệ sinh - Vòi đơn và vòi kết hợp cho hệ thống cấp nước kiểu 1 và kiểu 2 - Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 13584-1:2023	Hồ thu nước cho tòa nhà – Phần 1: Hồ thu nước trên sàn có xi phong với nút nước sâu ít nhất 50 mm

TCVN 13584-2:2023	Hồ thu nước cho tòa nhà – Phần 2: Hồ thu nước trên sàn và trên mái không có xi phông
TCVN 13584-3:2023	Hồ thu nước cho tòa nhà – Phần 3: Nắp thu nước
TCVN 13584-4:2023	Hồ thu nước cho tòa nhà – Phần 4: Hồ thu nước có tấm chắn chất lỏng nhẹ

VẬT LIỆU CHỐNG THẤM, KẾT DÍNH, CHẮN NƯỚC, LỌC

TCVN 6557:2000	Vật liệu chống thấm. Sơn bitum cao su
TCVN 7951:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9065:2012	Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương bi tum
TCVN 9066:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9068:2012	Vật liệu lọc dạng hạt dùng trong xử lý nước sạch - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9384:2012	Băng chắn nước dùng trong mỗi nối công trình xây dựng - Yêu cầu sử dụng.
TCVN 9407:2014	Vật liệu chống thấm – Băng chặn nước PVC
TCVN 9408:2014	Vật liệu chống thấm – Tấm CPE – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 12692:2020	Vật liệu chống thấm nước thi công dạng lỏng sử dụng bên dưới lớp chất kết dính dán gạch ốp lát - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử

VÔI, SƠN, VECNI, BỘT BÀ TƯỜNG, VẬT LIỆU XẢM KHE, DÁN TƯỜNG

TCVN 2231:2016	Vôi canxi cho xây dựng
TCVN 5730:2020	Sơn Alkyd
TCVN 7239:2014	Bột bả tường gốc xi măng poóc lăng
TCVN 8266:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8652:2020	Sơn tường dạng nhũ tương
TCVN 9013:2011	Sơn polyuretan bảo vệ kết cấu thép
TCVN 9404:2012	Sơn xây dựng - Phân loại
TCVN 9974:2013	Vật liệu xảm chèn khe và vết nứt, thi công nóng, dùng cho mặt đường thi công bê tông xi măng và mặt đường bê tông nhựa - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 10833:2015	Bột kẽm sử dụng trong sơn – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 11416:2016	Sơn nhựa fluor cho kết cấu thép

TCVN 11895:2017	Vật liệu dán tường - Thuật ngữ và ký hiệu
TCVN 11896:2017	Vật liệu dán tường dạng cuộn - Giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 11935-1:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 1: Phân loại và lựa chọn
TCVN 11935-2:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 2: Yêu cầu chất lượng
TCVN 12705-1:2021	Sơn và vecni – Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn bảo vệ – Phần 1: Giới thiệu chung
TCVN 12705-2:2021	Sơn và vecni – Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn bảo vệ – Phần 2: Phân loại môi trường
TCVN 12705-3:2021	Sơn và vecni – Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn bảo vệ – Phần 3: Các lưu ý trong thiết kế
TCVN 12705-5:2019	Sơn và vecni - Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ - Phần 5: Các hệ sơn bảo vệ
TCVN 13109:2020	Sơn bột gốc xi măng
TCVN 13110:2020	Sơn và vecni - Lớp phủ bột hữu cơ cho sản phẩm thép xây dựng mạ kẽm nhúng nóng hoặc mạ kẽm khô
TCVN 13434-1:2021	Sơn phủ bề mặt sản phẩm gỗ - Phần 1: Nhóm sơn polyurethane (PU)
TCVN 13478:2021	Sơn và vecni - Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 13479:2022	Sơn sàn trong nhà
TCVN 13527:2023	Sơn phản xạ ánh sáng mặt trời dùng cho mái nhà
TCVN 13528:2023	Sơn và vecni – Lớp phủ hoạt tính chống cháy cho nền kim loại – Định nghĩa, yêu cầu, đặc tính và ghi nhãn.
TCVN 13975:2024	Sơn sẵn dạng nhũ tương nhựa tổng hợp
TCVN 13976:2024	Sơn nhôm

VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT, BÔNG THỦY TINH, VẢI THỦY TINH

TCVN 7194:2002	Vật liệu cách nhiệt – Phân loại
TCVN 7950:2008	Vật liệu cách nhiệt. Vật liệu canxi silicat
TCVN 8054:2009	Vật liệu cách nhiệt. Sản phẩm bông thủy tinh. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8058:2009	Vải thủy tinh. Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 13111:2020	Chất dẻo xốp cứng - Sản phẩm cách nhiệt dùng trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13334:2021	Xốp cách nhiệt polyuretan (PU) sử dụng chất trợ nở dễ cháy – Yêu cầu về an toàn trong sản xuất
TCVN 14217:2025	Vật liệu cách nhiệt - Bông khoáng cách nhiệt dạng tấm và dạng khối
TCVN 14218:2025	Vật liệu cách nhiệt - Bông khoáng cách nhiệt dạng cuộn và dạng cuộn ống (phủ lưới kim loại, loại công nghiệp)

CỬA ĐI, CỬA SỔ & PHỤ TÙNG CỬA

TCVN 5762:1993	Khóa cửa có tay nắm – Yêu cầu kỹ thuật.
TCVN 7451:2004	Cửa sổ và cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC. Quy định kỹ thuật
TCVN 9366-1:2012	Cửa đi, cửa sổ - Phần 1: Cửa gỗ
TCVN 9366-2:2012	Cửa đi, cửa sổ - Phần 2: Cửa kim loại
TCVN 7452-1:2021	Cửa sổ và cửa đi - Phần 1: Độ lọt khí - Phân cấp và phương pháp thử
TCVN 7452-2:2021	Cửa sổ và cửa đi - Phần 2: Độ kín nước - Phân cấp và phương pháp thử
TCVN 7452-3:2021	Cửa sổ và cửa đi - Phần 3: Khả năng chịu tải trọng gió - Phân cấp và phương pháp thử
TCXD 92:1983	Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Bản lề cửa
TCXD 93:1983	Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Ke cánh cửa
TCXD 94:1983	Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Tay nắm chốt ngang

KÍNH XÂY DỰNG

TCVN 7218:2018	Kính tấm xây dựng - Kính nổi - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7364-1:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 1: Định nghĩa và mô tả các vật liệu thành phần
TCVN 7364-2:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 2: Kính dán an toàn nhiều lớp
TCVN 7364-3:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 3: Kính dán nhiều lớp
TCVN 7364-4:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 4: Phương pháp thử độ bền
TCVN 7364-5:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 5: Kích thước và hoàn thiện cạnh

TCVN 7364-6:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 6: Ngoại quan
TCVN 7455:2013	Kính xây dựng - Kính phẳng tôi nhiệt
TCVN 7456:2004	Kính xây dựng. Kính cốt lưới thép
TCVN 7526:2005	Kính xây dựng. Định nghĩa và phân loại
TCVN 7527:2005	Kính xây dựng. Kính cán vân hoa
TCVN 7528:2005	Kính xây dựng. Kính phủ phản quang
TCVN 7529:2005	Kính xây dựng. Kính màu hấp thụ nhiệt
TCVN 7624:2007	Kính gương. Kính gương tráng bạc bằng phương pháp hoá học ướt. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7736:2007	Kính xây dựng. Kính kéo
TCVN 8260:2009	Kính xây dựng. Kính hộp gắn kín cách nhiệt
TCVN 9808:2013	Kính xây dựng - Kính phủ bức xạ thấp
TCVN 10760:2015	Kính phẳng tôi hóa - Phân loại và phương pháp thử
TCVN 13960-2:2024	Chất trám cho ứng dụng phi kết cấu tại liên kết trong công trình và lối đi bộ - Phần 2: Chất trám cho lắp kính
TCVN 13961:2024	Kính xây dựng – Kính và cách âm không khí – Mô tả sản phẩm, xác định các tính chất và quy tắc mở rộng
TCVN 14133:2024	Kính xây dựng – Gương từ kính nổi tráng bạc sử dụng bên trong công trình

GỖ & ĐỒ GỖ, VÁN GỖ, KEO DÁN GỖ, TRE

TCVN 1072:1971	Gỗ. Phân nhóm theo tính chất cơ lý
TCVN 1073:1971	Gỗ tròn. Kích thước cơ bản
TCVN 1074:1986	Gỗ tròn. Phân hạng chất lượng theo khuyết tật
TCVN 1075:1971	Gỗ xẻ. Kích thước cơ bản
TCVN 1076:1986	Gỗ xẻ. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 1077:1986	Gỗ chống mối
TCVN 1283:1986	Gỗ tròn. Bảng tính thể tích
TCVN 1284:1986	Gỗ xẻ. Bảng tính thể tích
TCVN 1462:1986	Tà vẹt gỗ

TCVN 1758:1986	Gỗ xẻ. Phân hạng chất lượng theo khuyết tật
TCVN 3136:1979	Bảo quản gỗ. Phương pháp đề phòng mốc cho ván sàn sơ chế
TCVN 4358:2021	Ván lạng
TCVN 4738:2019	Bảo quản gỗ. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 4739:1989	Gỗ xẻ. Khuyết tật. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 5505:1991	Bảo quản gỗ. Yêu cầu chung
TCVN 5693:1992	Gỗ dán. Đo kích thước tấm
TCVN 5695:1992	Gỗ dán. Phân loại
TCVN 7750:2007	Ván sợi. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7751:2007	Ván dăm. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7752:2007	Ván gỗ dán. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7753:2007	Ván sợi. Ván MDF
TCVN 7754:2007	Ván dăm
TCVN 7755:2007	Ván gỗ dán
TCVN 7954:2008	Ván sàn gỗ. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7960:2008	Ván sàn gỗ. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8164:2009	Gỗ kết cấu. Giá trị đặc trưng của gỗ phân cấp theo độ bền. Lấy mẫu, thử nghiệm và đánh giá trên toàn bộ kích thước mặt cắt ngang
TCVN 8165:2009	Gỗ kết cấu. Phân cấp độ bền bằng thiết bị. Nguyên tắc cơ bản
TCVN 8166:2009	Gỗ kết cấu. Phân cấp độ bền bằng mắt thường. Nguyên tắc cơ bản
TCVN 8167:2019	Độ bền của gỗ và sản phẩm gỗ - Loại điều kiện sử dụng
TCVN 8168-1:2009	Tre. Xác định các chỉ tiêu cơ lý. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8575:2010	Kết cấu gỗ - Gỗ ghép thanh bằng keo – Yêu cầu về tính năng thành phần và sản xuất
TCVN 9084-1:2011	Kết cấu gỗ- Ứng dụng uốn của dầm chữ I. Phần 1: Thử nghiệm, đánh giá và đặc trưng
TCVN 9084-2:2014	Kết cấu gỗ- Ứng dụng uốn của dầm chữ I. Phần 2: Tính năng thành phần và yêu cầu sản xuất
TCVN 10573:2014	Yêu cầu phân hạng gỗ phi kết cấu

TCVN 10574:2014	Ván mỏng. Thuật ngữ và định nghĩa, xác định đặc tính vật lý và dung sai
TCVN 10575:2014	Gỗ nhiều lớp (LVL). Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 11205:2015	Ván gỗ nhân tạo - Gỗ dán - Ván ghép từ thanh dày và ván ghép từ thanh trung bình
TCVN 11943:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 11946:2018	Ván lát sàn nhiều lớp, loại đàn hồi và loại dẹt - Phân loại
TCVN 12362:2018	Ván gỗ nhân tạo - Ván dăm
TCVN 12619-1:2019	Gỗ - Phân loại - Phần 1: Theo mục đích sử dụng
TCVN 12619-2:2019	Gỗ - Phân loại - Phần 2: Theo tính chất vật lý và cơ học
TCVN 12624-1:2019	Đồ gỗ - Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 12624-2:2019	Đồ gỗ - Phần 2: Phương pháp quy đổi
TCVN 12624-3:2019	Đồ gỗ - Phần 3: Bao gói, ghi nhãn và bảo quản
TCVN 12715:2019	Gỗ dán - Độ bền sinh học - Hướng dẫn chọn gỗ dán trong các điều kiện sử dụng
TCVN 12716:2019	Độ bền của gỗ và sản phẩm gỗ - Độ bền tự nhiên của gỗ - Hướng dẫn phân cấp độ bền của gỗ dùng trong các điều kiện sử dụng
TCVN 12761:2019	Gỗ xộp composite - Vật liệu chèn khe giãn - Yêu cầu kỹ thuật, bao gói và ghi nhãn
TCVN 12763:2019	Gỗ xộp composite - Vật liệu gioăng đệm - Hệ thống phân loại, các yêu cầu, lấy mẫu, bao gói và ghi nhãn
TCVN 12764:2019	Gỗ xộp composite – Yêu cầu kỹ thuật, lấy mẫu, bao gói và ghi nhãn
TCVN 12766:2019	Tấm lát sàn gỗ xộp composite - Xác định kích thước, sai lệch độ vuông góc và độ thẳng cạnh
TCVN 13037:2020	Kết cấu gỗ – Gỗ ghép ngón – Các yêu cầu đối với sản xuất và chế tạo
TCVN 13179:2020	Ván gỗ nhân tạo – Ván dăm định hướng (OSB) – Định nghĩa, phân loại và yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13180:2020	Ván gỗ nhân tạo – Ván sợi, ván dăm và ván dăm định hướng (OSB) – Từ vựng
TCVN 13181:2020	Ván gỗ nhân tạo – Ván sợi sản xuất theo phương pháp khô
TCVN 13433-1:2021	Chế phẩm bảo quản gỗ - Phần 1: Nhóm chế phẩm hòa tan trong nước

TCVN 13433-2:2024	Chế phẩm bảo quản gỗ – Phần 2: Nhóm chế phẩm hòa tan trong dung môi hữu cơ
TCVN 13534:2022	Viên nén gỗ - Các yêu cầu
TCVN 13535:2022	Viên nén gỗ - Phân hạng
TCVN 13554-1:2022	Đồ gỗ ngoài trời - Bàn và ghế dùng cho cắm trại, ngoại thất gia đình và công cộng - Phần 1: Yêu cầu an toàn chung
TCVN 13554-2:2022	Đồ gỗ ngoài trời - Bàn và ghế dùng cho cắm trại, ngoại thất gia đình và công cộng - Phần 2: Yêu cầu an toàn cơ học và phương pháp thử cho ghế ngồi
TCVN 13554-3:2022	Đồ gỗ ngoài trời - Bàn và ghế dùng cho cắm trại, ngoại thất gia đình và công cộng - Phần 3: Yêu cầu an toàn cơ học và phương pháp thử cho bàn
TCVN 13555:2022	Ván gỗ nguyên dùng cho ốp trần và tường - Các yêu cầu
TCVN 13654-2:2023	Dăm gỗ – Phần 2: Dăm gỗ dùng để sản xuất ván dăm, ván sợi.
TCVN 13685:2023	Tấm trang trí bằng gỗ xộp – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13706:2023	Gỗ sấy – Phân hạng theo mức chênh lệch độ ẩm
TCVN 13985:2024	Chuỗi hành trình gỗ và sản phẩm từ gỗ
TCVN 14119:2024	Gỗ sấy – Phân hạng theo ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu
TCVN 14120:2024	Gỗ – Nguyên tắc về danh pháp
TCVN 14121:2024	Gỗ – Phương pháp định loại dựa vào đặc điểm cấu tạo thô đại và kính hiển vi
TCVN 14122:2024	Keo dán – Keo dán gỗ nhiệt dẻo dùng trong ứng dụng phi kết cấu – Phân loại
TCVN 14246:2024	Gỗ dán chịu nước mặn – Các yêu cầu
TCVN 14259:2024	Gỗ biến tính – Gỗ biến tính dùng cho đồ gỗ
TCVN 14260:2024	Gỗ biến tính – Phân loại và ghi nhãn
TCVN 14261:2024	Gỗ biến tính – Gỗ biến tính nhiệt

MÂY & TRE

TCVN 13984-1:2024	Mây và các sản phẩm từ mây – Mây nguyên liệu – Phần 1: Phân loại khuyết tật
TCVN 13984-2:2024	Mây và các sản phẩm từ mây – Mây nguyên liệu – Phần 2: Xác định tính chất vật lý

TCVN 14117:2024

Tre và các sản phẩm từ tre – Tre ép khối chịu lực

SẢN PHẨM ĐIỆN

TCVN 3623:1981

Khí cụ điện chuyển mạch điện áp tới 1000 V. Yêu cầu kỹ thuật chung (BBAD điều 1.7.2 và 1.7.4)

TCVN 4160:1990

Khởi động từ làm việc ở điện áp đến 1000 V. Yêu cầu kỹ thuật chung

TCVN 4911:1989

Công tắc tơ điện từ hạ áp. Kích thước lắp ráp

TCVN 4912:1989

Khí cụ điện điện áp đến 1000 V. Yêu cầu đối với kích thước lắp ráp

TCVN 5926-1:2007

Cầu chảy hạ áp. Phần 1: Yêu cầu chung

TCVN 5926-3:2007

Cầu chảy hạ áp. Phần 3: Yêu cầu bổ sung đối với cầu chảy để người không có chuyên môn sử dụng (cầu chảy chủ yếu để dùng trong gia đình và các ứng dụng tương tự)

TCVN 6188-1:2007

Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Phần 1: Yêu cầu chung

TCVN 6188-2-1:2008

Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với phích cắm có cầu chảy

TCVN 6190:1999

Ổ cắm và phích cắm điện dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Kiểu và kích thước cơ bản

TCVN 6434-1:2008

Khí cụ điện. Áptômát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự. Phần 1: Áptômát dùng cho điện xoay chiều

TCVN 6480-1:2008

Thiết bị đóng cắt dùng cho hệ thống lắp đặt điện cố định trong gia đình và các hệ thống tương tự. Phần 1: Yêu cầu chung

TCVN 6592-1:2009

Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 1: Qui tắc chung

TCVN 6592-2:2009

Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 2: Áptômát

TCVN 6592-4-1:2009

Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 4-1: Côngtắctơ và bộ khởi động động cơ. Côngtắctơ và bộ khởi động động cơ kiểu điện-cơ

TCVN 6610-1:2014

Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V - Phần 1: Yêu cầu chung

TCVN 6610-2:2007

Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V - Phần 2: Phương pháp thử

TCVN 6610-3:2000

Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V. Phần 3. Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định

TCVN 6610-4:2000

Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V. Phần 4. Cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định

TCVN 6610-5:2014	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V - Phần 5: Cáp mềm (dây mềm)
TCVN 6610-6:2011	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V – Phần 6: Cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho đoạn nối chịu uốn
TCVN 6610-7:2014	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V – Phần 7: Cáp mềm có từ hai ruột dẫn trở lên có chống nhiễu hoặc không chống nhiễu
TCVN 6612:2007	Ruột dẫn của cáp cách điện
TCVN 6615-1:2009	Thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6950-1:2007	Aptomat tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB). Phần 1: Qui định chung
TCVN 6951-1:2007	Áptomat tác động bằng dòng dư có bảo vệ quá dòng, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO). Phần 1: Qui định chung
TCVN 7417-1:2010	Hệ thống ống dùng cho lắp đặt cáp – Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 7417-23:2004	Hệ thống ống dùng cho quản lý cáp. Phần 23: Yêu cầu cụ thể. Hệ thống ống mềm
TCVN 7589-11:2007	Thiết bị đo điện (xoay chiều). Yêu cầu cụ thể. Phần 11: Công tơ kiểu điện cơ đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,5, 1 và 2)
TCVN 7589-21:2007	Thiết bị đo điện (xoay chiều) - Yêu cầu cụ thể - Phần 21: Công tơ điện kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 1 và 2)
TCVN 7589-22:2007	Thiết bị đo điện (xoay chiều) - Yêu cầu cụ thể - Phần 22: Công tơ điện kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0.2S và 0.5S)
TCVN 7680:2007	Phụ kiện điện. Bộ dây nguồn và bộ dây nối liên kết
TCVN 7722-1:2009	Đèn điện. Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm
TCVN 7722-2-2:2007	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 2: Đèn điện lắp chìm
TCVN 7722-2-3:2019	Đèn điện - Phần 2-3 : Yêu cầu cụ thể - Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường và phố
TCVN 7722-2-5:2007	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 5: Đèn pha
TCVN 7722-2-6:2009	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 6: Đèn điện có biến áp hoặc bộ chuyển đổi lắp sẵn dùng cho bóng đèn sợi đốt.

TCVN 7883-8:2008	Rơle điện. Phần 8: Rơle điện nhiệt
TCVN 7999-1:2009	Cầu chảy cao áp. Phần 1: Cầu chảy giới hạn dòng điện
TCVN 7999-2:2009	Cầu chảy cao áp. Phần 2: Cầu chảy giải phóng khí
TCVN 8090:2009	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không. Dây trần có sợi định hình xoắn thành các lớp đồng tâm
TCVN 8091-2:2009	Cáp cách điện bằng giấy có vỏ bọc kim loại dùng cho điện áp danh định đến 18/30 KV (có ruột dẫn đồng hoặc nhôm và không kể cáp khí nén và cáp dầu). Phần 2: Yêu cầu chung và yêu cầu về kết cấu
TCVN 8096-107:2010	Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp. Phần 107: Cầu dao kèm cầu chảy xoay chiều dùng cho điện áp danh định lớn hơn 1kV đến và bằng 52kV
TCVN 8096-200:2010	Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp. Phần 200: Tủ điện đóng cắt và điều khiển xoay chiều có vỏ bọc bằng kim loại dùng cho điện áp danh định lớn hơn 1 kV đến và bằng 52 kV
TCVN 10347:2014	Tính giới hạn dưới và giới hạn trên của các kích thước ngoài trung bình của cáp có ruột dẫn đồng tròn và có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V
TCVN 10348-1:2014	Cáp cách điện bằng chất vô cơ và các đầu nối của chúng có điện áp danh định không vượt quá 750 V. Phần 1: Cáp
TCVN 10348-2:2014	Cáp cách điện bằng chất vô cơ và các đầu nối của chúng có điện áp danh định không vượt quá 750 V. Phần 2: Đầu nối
TCVN 10688:2015	Quản lý cáp - Hệ thống máng cáp và hệ thống thang cáp
TCVN 12229:2018	Dây đồng trần dùng cho đường dây tải điện trên không
TCVN 12666:2019	Đèn điện LED chiếu sáng đường và phố - Hiệu suất năng lượng,
TCVN 12679:2019	Thiết bị dùng cho mục đích chiếu sáng chung – Yêu cầu miễn nhiễm tương thích điện từ (EMC)
TCVN 12679-1:2019	Thiết bị dùng cho mục đích chiếu sáng chung – Yêu cầu miễn nhiễm tương thích điện từ (EMC) – Phần 1: Máy đo nhấp nháy ánh sáng khách quan và phương pháp thử nghiệm miễn nhiễm đối với biến động điện áp
TCVN 13726-1:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 13726-2:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 2: Điện trở cách điện

TCVN 13726-3:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 3: Trở kháng mạch vòng
TCVN 13726-4:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 4: Điện trở của mỗi nối đất và liên kết đẳng thế
TCVN 13726-5:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 5: Điện trở tiếp đất
TCVN 13726-6:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 6: Tính hiệu quả của thiết bị dòng dư (RCD) trong hệ thống TT, TN và IT
TCVN 13726-7:2023	An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 7: Thứ tự pha
TCVN 13789:2023	Công bố vật liệu dùng cho sản phẩm của ngành kỹ thuật điện
TCVN 13889:2023	Công bố vật liệu dùng cho sản phẩm của ngành kỹ thuật điện – Hướng dẫn áp dụng TCVN 13789 (IEC 62474)
TCVN 13790:2023	Hướng dẫn đánh giá sản phẩm liên quan đến các chất hạn chế sử dụng trong các sản phẩm điện và điện tử
TCVN 13791:2023	Hài hòa các tiêu chí về tính năng môi trường đối với các sản phẩm điện và điện tử – Nghiên cứu tính khả thi
TCVN 14467:2025	Cáp điện ngầm dưới biển có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp dùng cho điện áp danh định từ 6 kV ($U_m = 7,2$ kV) đến 60 kV ($U_m = 72,5$ kV) – Yêu cầu và phương pháp thử

HỆ THỐNG LƯU TRỮ ĐIỆN NĂNG

TCVN 14499-1:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 1: Từ vựng
TCVN 14499-2-1:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-1: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Quy định kỹ thuật chung
TCVN 14499-2-2:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-2: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Ứng dụng và thử nghiệm tính năng
TCVN 14499-2-200:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-200: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Nghiên cứu các trường hợp điển hình của hệ thống lưu trữ điện năng đặt trong trạm sạc EV sử dụng PV
TCVN 14499-2-201:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-201: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Rà soát thử nghiệm hệ thống lưu trữ điện năng sử dụng

dụng các pin chuyển đổi mục đích sử dụng và pin tái sử dụng, TCVN 14499-3-200:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-200: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Nguyên tắc thiết kế hệ thống EES điện hóa

TCVN 14499-3-1:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-1: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Quy định kỹ thuật chung
TCVN 14499-3-2:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-2: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Yêu cầu bổ sung đối với các ứng dụng liên quan đến nguồn công suất biến động lớn và tích hợp nguồn năng lượng tái tạo
TCVN 14499-3-3:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-3: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Yêu cầu bổ sung đối với các ứng dụng tiêu thụ nhiều năng lượng và nguồn điện dự phòng
TCVN 14499-4-1:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-1: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Quy định kỹ thuật chung
TCVN 14499-4-2:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-2: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Đánh giá tác động môi trường của hồng học pin trong hệ thống lưu trữ điện hóa
TCVN 14499-4-3:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-3: Các yêu cầu bảo vệ đối với hệ thống pin lưu trữ năng lượng theo các điều kiện môi trường
TCVN 14499-4-4:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-4: Yêu cầu về môi trường đối với hệ thống pin lưu trữ năng lượng (BESS) với pin tái sử dụng
TCVN 14499-4-200:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-200: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Đánh giá phát thải khí nhà kính (GHG) từ hệ thống lưu trữ điện năng (EES)
TCVN 14499-5-1:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-1: Xem xét về an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Quy định kỹ thuật chung
TCVN 14499-5-2:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-2: Yêu cầu an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Hệ thống dựa trên nguyên lý điện hóa
TCVN 14499-5-3:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-3: Yêu cầu an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Thực hiện sửa đổi ngoài kế hoạch hệ thống dựa trên nguyên lý điện hóa
TCVN 14499-5-4:2025	Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-4: Phương pháp và quy trình thử nghiệm an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Hệ thống dựa trên pin lithium ion

**ỐNG NHỰA NHIỆT DẸO; ỐNG PVC-U, PVC-C, PVC-V, PVC-M, PVC-O;
ỐNG PE; ỐNG PP**

TCVN 6141:2020

Ống nhựa nhiệt dẻo. Bảng chiều dày thông dụng của thành ống

TCVN 6145:2007	Hệ thống ống nhựa nhiệt dẻo. Các chi tiết bằng nhựa. Phương pháp xác định kích thước
TCVN 6150-1:2020	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Đường kính ngoài danh nghĩa và áp suất danh nghĩa. Phần 1: Dây thông số theo hệ mét
TCVN 6150-2:2003	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Đường kính ngoài danh nghĩa và áp suất danh nghĩa. Phần 2: Dây thông số theo hệ inch
TCVN 6158:1996	Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6241:1997	Phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với các khớp nối dùng cho ống chịu áp lực. Chiều dài nối. Dây thông số hệ mét
TCVN 6243-1:2003	Phụ tùng nối bằng poly(vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U), poly(vinyl clorua) clo hoá (PVC-C) hoặc acrylonitrile/butadien/ styren (ABS) với các khớp nối dùng cho ống chịu áp lực. Phần 1: Dây thông số theo hệ mét
TCVN 6246:2003	Khớp nối đơn dùng cho ống chịu áp lực bằng poly (vinyl clorua) không hoá dẻo (PVC-V) và bằng poly(vinyl clorua) clo hoá (PVC-C) với các vòng đệm đàn hồi. Độ sâu tiếp giáp tối thiểu
TCVN 6247:2003	Khớp nối kép dùng cho ống chịu áp lực bằng poly(vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) với các vòng đệm đàn hồi. Độ sâu tiếp giáp tối thiểu
TCVN 6248:1997	Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) chịu áp lực. Dây thông số theo hệ mét. Kích thước của bích
TCVN 6249:1997	Phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) và bằng kim loại dùng cho ống chịu áp lực. Chiều dài nối và kích thước ren. Dây thông số theo hệ mét
TCVN 6250:1997	Ống polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng để cấp nước. Hướng dẫn thực hành lắp đặt
TCVN 6251:1997	Phụ tùng ống nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng cho ống chịu áp lực. Chiều dài nối và kích thước ren. Dây thông số theo hệ mét
TCVN 6252:1997	Phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với vòng đệm đàn hồi dùng cho ống chịu áp lực. Kích thước chiều dài nối. Dây thông số theo hệ mét
TCVN 7093-1:2020	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Kích thước và dung sai. Phần 1: Dây thông số theo hệ mét
TCVN 7093-2:2003	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Kích thước và dung sai. Phần 2: Dây thông số theo hệ inch
TCVN 7305-1:2008	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 1: Quy định chung
TCVN 7305-2:2008	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp

nước. Phần 2: Ống.

TCVN 7305-3:2008	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 3: Phụ tùng
TCVN 7305-5:2008	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 7417-1:2010	Hệ thống ống dùng cho lắp đặt cáp – Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 7613:2009	Ống polyetylen (PE) chôn dưới đất dùng để dẫn khí đốt. Hệ mét. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8491-1:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 1: Quy định chung
TCVN 8491-2:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 2: Ống
TCVN 8491-3:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 3: Phụ tùng
TCVN 8491-4:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 4: Van
TCVN 8491-5:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 9562:2017	Hệ thống ống bằng chất dẻo cấp nước chịu áp và không chịu áp - Hệ thống ống nhựa nhiệt rắn gia cường thủy tinh (GRP) trên cơ sở nhựa polyeste không no (UP)
TCVN 10097-1:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 1: Quy định chung
TCVN 10097-2:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 2: Ống
TCVN 10097-3:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 3: Phụ tùng
TCVN 10097-5:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 10097-7:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 7: Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp

TCVN 10098-1:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 1: Quy định chung
TCVN 10098-2:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 2: Ống
TCVN 10098-3:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 3: Phụ tùng
TCVN 10098-5:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 10098-7:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 7: Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp
TCVN 11821-1:2017	Hệ thống ống chất dẻo thoát nước và nước thải chôn ngầm không chịu áp - Hệ thống ống thành kết cấu bằng poly(vinyl clorua) không hoá dẻo (PVC-U), polypropylen (PP) và polyetylen (PE) - Phần 1: Yêu cầu vật liệu và tiêu chí tính năng cho ống, phụ tùng và hệ thống
TCVN 11821-2:2017	Hệ thống ống chất dẻo thoát nước và nước thải chôn ngầm không chịu áp - Hệ thống ống thành kết cấu bằng poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U), polypropylen (PP) và polyetylen (PE) - Phần 2: Ống và phụ tùng có bề mặt ngoài nhẵn, kiểu A
TCVN 11821-3:2017	Hệ thống ống chất dẻo thoát nước và nước thải chôn ngầm không chịu áp - Hệ thống ống thành kết cấu bằng poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U), polypropylen (PP) và polyetylen (PE) - Phần 3: Ống và phụ tùng có bề mặt ngoài không nhẵn, kiểu B
TCVN 11822:2017	Ống poly (Vinyl clorua) biến tính (PVC-M) chịu áp
TCVN 12119:2021	Hệ thống ống chất dẻo dùng để thoát nước thải và chất thải (ở nhiệt độ thấp và nhiệt độ cao) trong các tòa nhà – Ống và phụ tùng poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U)
TCVN 12304:2018	Hệ thống ống bằng chất dẻo để thoát nước và nước thải, đặt ngầm, không chịu áp - Polyethylene (PE)
TCVN 12305:2018	Hệ thống ống bằng chất dẻo để thoát nước và nước thải, đặt ngầm, không chịu áp - Polypropylen (PP)
TCVN 12638:2021	Hệ thống ống chất dẻo dùng để thoát nước và nước thải, đặt ngầm, không chịu áp - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U)
TCVN 12725:2020	Ống và mối nối poly(vinyl clorua) không hoá dẻo định hướng (PVC-O) để vận chuyển nước trong điều kiện có áp suất – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 12726:2020	Ống và phụ tùng bằng chất dẻo – Quy trình hàn nối nung chảy đối đầu đối với hệ thống ống polyetylen (PE)

TCVN 12727:2020	Ống và phụ tùng bằng chất dẻo – Hệ số giảm áp đối với hệ thống đường ống polyetylen để sử dụng ở nhiệt độ trên 20°C
TCVN 13502:2022	Yêu cầu chung cho các bộ phận sử dụng trong ống và cống thoát nước
TCVN 14489:2025	Ống polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) mặt ngoài thành nhẵn, mặt trong thành kết cấu gân xoắn – Ống thành đặc, cứng – Các yêu cầu

HỐ THU, HỐ GA & HỘP KỸ THUẬT

TCVN 12754:2020	Hộp ga cho hệ thống thoát nước thải sinh hoạt bằng Polyvinyl Chloride không hóa dẻo (PVC-U)
TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật cho hệ thống thoát nước thải sinh hoạt bằng Polyvinyl Chloride không hóa dẻo (PVC-U)
TCVN 13579-2:2022	Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông – Phần 2: Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga làm bằng gang
TCVN 13579-3:2022	Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông – Phần 3: Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga làm bằng thép hoặc hợp kim nhôm
TCVN 13579-4:2022	Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông – Phần 4: Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga làm bằng bê tông cốt thép
TCVN 13579-5:2022	Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông – Phần 5: Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga làm bằng vật liệu composite
TCVN 13579-6:2022	Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông – Phần 6: Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga làm bằng polypropylen (PP) polyetylen (PE) hoặc poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVCU)

ỐNG THÉP & ỐNG GANG DẸO

TCVN 2054:1977	Phôi ống tròn thép cacbon
TCVN 2055:1977	Ống thép không hàn cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 2056:1977	Ống thép không hàn kéo nguội và cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 2941:1979	Ống và phụ tùng bằng gang. Tên gọi, ký hiệu trên sơ đồ
TCVN 2942:1993	Ống và phụ tùng bằng gang dùng cho hệ thống dẫn chính chịu áp lực
TCVN 2943:1979	Ống và phụ tùng bằng gang. Ống gang miệng bát. Kích thước cơ bản
TCVN 2979:1979	Ống và phụ tùng bằng thép. Tên gọi và ký hiệu trên sơ đồ

TCVN 2980:1979	Ổng và phụ tùng bằng thép. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 2981:1979	Ổng và phụ tùng bằng thép. Ổng thép hàn. Kích thước cơ bản
TCVN 5894:1995	Ổng thép. Hệ thống dung sai
TCVN 7698-1:2007	Ổng thép và phụ tùng đường ống. Ký hiệu sử dụng trong phần đặc tính kỹ thuật. Phần 1: Ổng và phụ tùng đường ống có mặt cắt ngang tròn
TCVN 7698-2:2007	Ổng thép và phụ tùng đường ống. Ký hiệu sử dụng trong phần đặc tính kỹ thuật. Phần 2: Ổng và phụ tùng đường ống có mặt cắt ngang hình vuông và chữ nhật
TCVN 7698-3:2007	Ổng thép và phụ tùng đường ống. Ký hiệu sử dụng trong phần đặc tính kỹ thuật. Phần 3: Đầu nối ống có mặt cắt ngang tròn
TCVN 7701-2:2007	Ren ống cho mỗi nối ống kín áp. Phần 2: Kiểm tra bằng calip giới hạn
TCVN 7702:2007	Ổng thép không gỉ. Kích thước, dung sai và khối lượng quy ước trên đơn vị chiều dài
TCVN 7703-1:2007	Ổng gang dẻo. Lớp phủ ngoài bằng kẽm. Phần 1: Lớp phủ kẽm kim loại có lớp hoàn thiện
TCVN 7703-2:2007	Ổng gang dẻo. Lớp phủ ngoài bằng kẽm. Phần 2: Sơn giàu kẽm có lớp phủ hoàn thiện
TCVN 7705:2007	Đầu nối ống bằng gang dẻo được chế tạo ren theo ISO 7-1
TCVN 10177:2013	Ổng, phụ tùng nối ống, phụ kiện bằng gang dẻo và các mối nối dùng cho các công trình dẫn nước
TCVN 10178:2013	Ổng và phụ tùng đường ống bằng gang dẻo dùng cho các đường ống có áp và không có áp - Lớp lót vữa xi măng
TCVN 10179:2013	Ổng và phụ tùng nối ống thoát nước bằng gang - Loạt có đầu bị bao
TCVN 10180:2013	Sản phẩm bằng gang dẻo dùng cho các công trình nước thải
TCVN 10181:2013	Đường ống bằng gang dẻo - Lớp bọc Polyetylen sử dụng tại hiện trường.
TCVN 10182:2013	Hệ thống đường ống bằng gang dẻo được bọc cách nhiệt

PHƯƠNG TIỆN & CHẤT CHỮA CHÁY

TCVN 5739:2023	Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện chữa cháy – Thiết bị đầu nối
TCVN 5740:2023	Phương tiện phòng cháy chữa cháy – Vòi đẩy chữa cháy
TCVN 6102:2020	Phòng cháy chữa cháy - Chất chữa cháy - Bột
TCVN 6379:2024	Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy

TCVN 7026:2025	Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay – Tính năng và cấu tạo
TCVN 7027:2025	Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy có bánh xe – Tính năng và cấu tạo
TCVN 7278-1:2003	Chất chữa cháy, chất tạo bọt chữa cháy- P.1- Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng phun lên bề mặt chất lỏng cháy không hòa tan được với nước
TCVN 7278-2:2003	Chất chữa cháy, chất tạo bọt chữa cháy- P.2- Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở trung bình và cao dùng phun lên bề mặt chất lỏng không hòa tan được với nước
TCVN 7278-3:2025	Chất chữa cháy – Chất tạo bọt chữa cháy – Phần 3: Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng để phun lên bề mặt chất lỏng cháy hòa tan được với nước
TCVN 8060:2009	Phương tiện chữa cháy. Vòi chữa cháy. Vòi hút bằng cao su, chất dẻo và cụm vòi
TCVN 8522:2010	Đệm không khí cứu người 20m và 45m
TCVN 8523:2010	Ống tụt cứu người 30m
TCVN 10525-1:2014	Ống cao su và chất dẻo, không xếp, dùng trong chữa cháy. Phần 1: Ống bán cứng dùng cho hệ thống chữa cháy cố định
TCVN 10525-2:2014	Ống cao su và chất dẻo, không xếp, dùng trong chữa cháy. Phần 2: Ống bán cứng (và cấu kiện ống) dùng cho máy bơm và xe chữa cháy
TCVN 10526:2014	Ống và cấu kiện ống cao su để hút và xả nước. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 12110:2018	Phòng cháy chữa cháy - Bơm ly tâm chữa cháy loại khiêng tay dùng động cơ đốt trong - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra
TCVN 12314-1:2018	Chữa cháy- Bình chữa cháy tự động kích hoạt- Phần 1: Bình bột loại treo
TCVN 12314-2:2022	Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy tự động kích hoạt – Phần 2: Bình khí chữa cháy
TCVN 12314-3:2025	Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy tự động kích hoạt – Phần 3: Bình bột vỏ xốp
TCVN 12366-4:2023	Phương tiện bảo vệ cá nhân cho người chữa cháy – Phương pháp thử và yêu cầu đối với phương tiện bảo vệ cá nhân dùng cho người chữa cháy có nguy cơ phơi với nhiệt và/hoặc lửa ở mức độ cao trong khi chữa cháy tại công trình – Phần 4: Găng tay
TCVN 12653-1:2024	Phòng cháy chữa cháy – Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 13260:2021	Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy mini - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13261:2021	Phòng cháy chữa cháy - Lảnh chữa cháy phun cầm tay - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13316-1:2021	Phòng cháy chữa cháy - Xe ô tô chữa cháy - Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử
TCVN 13316-6:2023	Phòng cháy chữa cháy – Xe ô tô chữa cháy – Phần 6: Xe chữa cháy hệ thống bọt khí nén
TCVN 13316-12:2025	Phòng cháy chữa cháy – Xe ô tô chữa cháy – Phần 12: Xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên cao
TCVN 13316-14:2024	Phòng cháy chữa cháy – Xe ô tô chữa cháy – Phần 14: Xe cứu nạn, cứu hộ
TCVN 13418:2022	Phòng cháy chữa cháy - Lảnh phun bọt chữa cháy cầm tay - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13455:2022	Phòng cháy chữa cháy – Ống mềm bằng kim loại kết nối đầu phun trong hệ thống sprinkler tự động – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13457-1:2022	Phòng cháy chữa cháy – Chất chữa cháy gốc nước – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với chất phụ gia
TCVN 13927:2023	Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện bảo vệ cá nhân – Dây cứu nạn, cứu hộ có độ giãn thấp
TCVN 14497:2025	Phòng cháy chữa cháy – Thiết bị báo cháy độc lập – Đầu báo cháy khói sử dụng ánh sáng tán xạ, ánh sáng truyền qua hoặc ion hoá
TCVN 14498:2025	Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy cố định bằng sol-khí dạng cô đặc

MẠNG VIỄN THÔNG – TRUYỀN HÌNH CÁP

TCVN 6745-1:2000	Cáp sợi quang - Phần 1: Quy định kỹ thuật chung
TCVN 6745-2:2000	Cáp sợi quang - Phần 2: Quy định kỹ thuật đối với sản phẩm
TCVN 6745-3:2000	Cáp sợi quang - Phần 3: Cáp viễn thông - Quy định kỹ thuật từng phần
TCVN 7326-1:2003	Thiết bị công nghệ thông tin - An toàn - Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 8235:2009	Tương thích điện từ (EMC) - Thiết bị mạng viễn thông - Yêu cầu về tương thích điện từ
TCVN 8238:2009	Mạng viễn thông. Cáp thông tin kim loại dùng trong mạng điện thoại nội hạt

TCVN 8665:2011	Sợi quang dùng cho mạng viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 8696:2011	Mạng viễn thông. Cáp sợi quang vào nhà thuê bao. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8697:2011	Mạng viễn thông. Cáp sợi đồng vào nhà thuê bao. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8698:2011	Mạng viễn thông - Cáp sợi đồng thông tin Cat.5 Cat.5e - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8699:2011	Mạng viễn thông. Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8700:2011	Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 10296: 2014	Cáp đồng trục dùng trong mạng phân phối tín hiệu truyền hình cáp – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 10297: 2014	Phiến đấu dây CAT5/CAT5E – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

CHỐNG SÉT & CÁCH ĐIỆN

TCVN 8085-1:2009	Vật liệu uốn được kết hợp dùng làm cách điện. Phần 1: Định nghĩa và yêu cầu chung
TCVN 8085-2:2009	Vật liệu uốn được kết hợp dùng làm cách điện. Phần 2: Phương pháp thử nghiệm
TCVN 8086:2009	Cách điện. Đánh giá về nhiệt và ký hiệu cấp chịu nhiệt
TCVN 8097-1:2010	Bộ chống sét. Phần 1: Bộ chống sét có khe hở kiểu điện trở phi tuyến dùng cho hệ thống điện xoay chiều

SẢN PHẨM THÉP & CÁP THÉP

TCVN 1916:1995	Bu lông, vít, vít cấy và đai ốc – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 5757:2009	Cáp thép sử dụng cho mục đích chung. Yêu cầu tối thiểu
TCVN 5834:1994	Bồn chứa nước bằng thép không gỉ
TCVN 6052:1995	Giàn giáo thép
TCVN 8251:2009	Thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 10262:2014	Bồn thép chứa chất lỏng cháy được và chất lỏng dễ cháy

NHÔM & HỢP KIM NHÔM

TCVN 12513-1:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/Thanh, Ống, và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật cho kiểm tra và cung cấp
-------------------	---

TCVN 12513-2:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/Thanh, Ống, và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 2: Cơ tính
TCVN 12513-3:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 3: Thanh hình chữ nhật ép đùn - dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 12513-4:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 4: Sản phẩm định hình - dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 12513-5:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 5: thanh tròn, vuông và hình sáu cạnh - Dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 12513-6:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 6: Ống tròn, vuông, hình chữ nhật và hình sáu cạnh - Dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 12513-7:2018	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / Thanh, Ống, và sản phẩm định hình ép đùn - Phần 7: Thành phần hóa học
TCVN 13065-1:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Tấm mỏng, băng và tấm - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật cho kiểm tra và cung cấp
TCVN 13065-2:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Tấm mỏng, băng và tấm - Phần 2: Cơ tính
TCVN 13065-3:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Tấm mỏng, băng và tấm - Phần 3: Băng - Dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 13065-4:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Tấm mỏng, băng và tấm - Phần 4: Tấm và tấm mỏng - Dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 13065-5:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Tấm mỏng, băng và tấm - Phần 5: Thành phần hóa học
TCVN 13066-1:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / thanh, ống và dây kéo nguội - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật cho kiểm tra và cung cấp
TCVN 13066-2:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / thanh, ống và dây kéo nguội - Phần 2: Cơ tính
TCVN 13066-3:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / thanh, ống và dây kéo nguội - Phần 3: Thanh và dây tròn - Dung sai hình dạng và kích thước (Dung sai đối xứng cộng trừ trên đường kính)
TCVN 13066-4:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / thanh, ống và dây kéo nguội - Phần 4: Thanh và dây chữ nhật - Dung sai hình dạng và kích thước

TCVN 13066-5:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / thanh, ống và dây kéo nguội - Phần 5: Thanh vuông, hình sáu cạnh và dây - Dung sai hình dạng và kích thước
TCVN 13066-6:2020	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Que / thanh, ống và dây kéo nguội - Phần 6: Ống tròn kéo - Dung sai hình dạng và kích thước,
TCXDVN 330:2004	Nhôm hợp kim định hình dùng trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm

THIẾC, ĐỒNG

TCVN 2052:1993	Thiếc - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 5753:1993	Đồng. Mác
TCVN 5922:1995	Đồng và hợp kim đồng gia công áp lực - Thanh tròn, vuông và sáu cạnh được ép đùn - Kích thước và sai lệch

VẬT LIỆU CHỊU LỬA

TCVN 4710:2018	Vật liệu chịu lửa. Gạch samôt.
TCVN 5441:2004	Vật liệu chịu lửa. Phân loại
TCVN 6416:2018	Vật liệu chịu lửa. Vữa samôt
TCVN 7453:2004	Vật liệu chịu lửa. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 7484:2005	Vật liệu chịu lửa. Gạch cao alumin
TCVN 7636:2007	Vật liệu chịu lửa. Gạch samôt cách nhiệt
TCVN 7637:2007	Vật liệu chịu lửa. Gạch cao alumin cách nhiệt.
TCVN 7708:2007	Vật liệu chịu lửa. Vữa cao alumin.
TCVN 7709:2007	Vật liệu chịu lửa. Vữa manhêdi
TCVN 7710:2024	Sản phẩm chịu lửa – Gạch magnesia carbon
TCVN 8253:2009	Gạch chịu lửa kiểm tính cho lò thổi oxy và lò điện hồ quang luyện thép. Hình dạng và kích thước
TCVN 8255:2009	Vật liệu chịu lửa. Gạch manhedi
TCVN 9031:2011	Vật liệu chịu lửa - Ký hiệu các đại lượng và đơn vị
TCVN 9032:2011	Vật liệu chịu lửa - Gạch kiểm tính Manhêdi Spinel và manhêdi crôm dùng cho lò quay
TCVN 9033:2011	Gạch chịu lửa cho lò quay - Kích thước cơ bản

TCVN 11914-1:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 1 : Sản phẩm alumina - silica
TCVN 11914-2:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 2: Sản phẩm kiềm tính chứa hàm lượng carbon dư nhỏ hơn 7%
TCVN 11914-3:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 3: Sản phẩm kiềm tính chứa hàm lượng carbon dư từ 7% đến 50%
TCVN 11914-4:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 4: Sản phẩm đặc biệt
TCVN 11915:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Bê tông chịu lửa sa mốt và cao alumin
TCVN 12203:2021	Sản phẩm chịu lửa cách nhiệt định hình – Phân loại
TCXDVN 383:2007	Vật liệu chịu lửa - Vữa Manhêdi

XI MĂNG & CLINKER

TCVN 2682:2020	Xi măng pooc lăng
TCVN 4033:1995	Xi măng pooc lăng pudolan. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4316:2007	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao
TCVN 4745:2005	Xi măng. Danh mục chỉ tiêu chất lượng
TCVN 5438:2004	Xi măng. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 5439:2004	Xi măng. Phân loại
TCVN 5691:2021	Xi măng poóc lăng trắng
TCVN 6067:2018	Xi măng poóc lăng bền sunfát
TCVN 6069:2007	Xi măng pooc lăng ít toả nhiệt
TCVN 6260:2020	Xi măng pooc lăng hỗn hợp
TCVN 7024:2002	Clanhke xi măng pooc lăng thương phẩm
TCVN 7445-1:2004	Xi măng giềng khoan chủng loại G. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7569:2022	Xi măng alumin
TCVN 7711:2013	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sunfat
TCVN 7712:2013	Xi măng pooc lăng hỗn hợp ít toả nhiệt
TCVN 8873:2012	Xi măng nở
TCVN 9202:2012	Xi măng xây trát

TCVN 9488:2012	Xi măng đóng rắn nhanh
TCVN 9501:2013	Xi măng đa cấu tử
TCVN 13947:2024	Xi măng xi lò cao hoạt hóa sulfate – Thành phần, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí phù hợp

PHỤ GIA

TCVN 3735:1982	Phụ gia hoạt tính puzolan
TCVN 6882:2016	Phụ gia khoáng cho xi măng
TCVN 8825:2011	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn
TCVN 8826:2024	Phụ gia hoá học cho bê tông
TCVN 8827:2011	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume và tro trấu nghiền mịn
TCVN 8878:2011	Phụ gia công nghệ cho sản xuất xi măng
TCVN 10302:2014	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng
TCVN 12300:2018	Phụ gia cuốn khí cho bê tông
TCVN 12301:2018	Phụ gia hóa học cho bê tông cháy.
TCVN 12588-1:2018	Phụ gia dùng cho vữa và bê tông sử dụng cát biển và nước biển - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13862:2023	Phụ gia hoá học cho bê tông – Xác định ảnh hưởng của phụ gia hoá học đến ăn mòn cốt thép bê tông trong môi trường clorua
TCVN 13863:2023	Phụ gia ức chế ăn mòn cốt thép trong bê tông do tác nhân clorua
TCXD 173:1989	Phụ gia tăng dẻo KĐT2 cho vữa và bê tông xây dựng

NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

TCVN 2119:1991	Đá canxi cacbonat để nung vôi xây dựng
TCVN 4315:2024	Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng
TCVN 6071:2013	Sét để sản xuất clanhke xi măng poóc lăng
TCVN 6072:2013	Đá vôi để sản xuất clanhke xi măng poóc lăng
TCVN 6300:1997	Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng. Đất sét. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6301:1997	Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng. Cao lanh lọc. Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 6587:2000	Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa samốt. Đất sét
TCVN 6588:2000	Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa samốt. Cao lanh
TCVN 6926:2001	Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh xây dựng. Đolômit.
TCVN 6927:2001	Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng. Thạch anh
TCVN 9036:2012	Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh. Cát - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9039:2011	Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh xây dựng – Đá vôi
TCVN 9188:2024	Amiăng trắng
TCVN 9807:2013	Thạch cao dùng để sản xuất xi măng
TCVN 11833:2017	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng
TCVN 14136:2024	Tro bay làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng

CAO LANH & ĐẤT SÉT ĐỂ SẢN XUẤT SỨ DÂN DỤNG

TCVN 13770:2023	Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13776:2023	Đất sét để sản xuất sứ dân dụng – Yêu cầu kỹ thuật

ĐẤT ĐÁ XÂY DỰNG - VẬT LIỆU SAN LẤP

TCVN 5746:2024	Đất, đá xây dựng – Phân loại
TCVN 12249:2018	Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung
TCVN 13906:2024	Xỉ thép làm vật liệu san lấp
TCVN 13946:2024	Vật liệu san lấp tái chế từ phế thải phá dỡ công trình
TCVN 14325:2024	Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu san lấp – Yêu cầu chung

VẬT LIỆU CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

TCVN 7887:2018	Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ
TCVN 8816:2011	Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit
TCVN 8817-1:2011	Nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8818-1:2025	Nhựa đường lỏng - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8820:2011	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall
TCVN 10308:2014	Gối cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 11193:2021	Nhựa đường Polyme - Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 12584:2019	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12585:2019	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12586:2019	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12587:2019	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Trụ tiêu dero phân làn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12660:2019	Tro xi' nhiệt điện đốt than làm nền đường ô tô - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu
TCVN 12268:2018	Ứng dụng đường sắt - Tấm lát cao su trên đường ngang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 12269:2018	Biển chỉ dẫn đường sắt đô thị
TCVN 12680:2019	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đèn cảnh báo an toàn
TCVN 12681:2019	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng
TCVN 12790:2020	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor
TCVN 12818:2019	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo đặc tính thể tích superpave
TCVN 12884-1:2020	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13049:2020	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13067:2020	Khe co giãn thép dạng răng lược - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13068:2020	Dung dịch Bentonite Polyme - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13506:2022	Nhũ tương nhựa đường kiềm - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13509:2022	Bê tông phun trong công trình hầm giao thông - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu
TCVN 13565:2022	Ống vải địa kỹ thuật sử dụng cho kết cấu bảo vệ bờ trong công trình giao thông - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu
TCVN 13566-1:2022	Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Tà vệt và tấm đỡ bê tông - Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 13566-2:2022	Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Tà vệt và tấm đỡ bê tông - Phần 2: Tà vệt bê tông dự ứng lực một khối
TCVN 13566-3:2022	Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Tà vệt và tấm đỡ bê tông - Phần 3: Tà vệt bê tông cốt thép hai khối

TCVN 13566-4:2022	Ứng dụng đường sắt – Đường ray – Tà vẹt và tấm đỡ bê tông – Phần 4: Tấm đỡ bê tông dự ứng lực cho ghi và giao cắt
TCVN 13566-5:2022	Ứng dụng đường sắt – Đường ray – Tà vẹt và tấm đỡ bê tông – Phần 5: Cầu kiện đặc biệt
TCVN 13694:2023	Cấp phối tái chế từ chất thải rắn xây dựng làm lớp móng đường giao thông đô thị – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 13757:2023	Bảng dán vạch kẻ đường phản quang định hình có thời hạn sử dụng thấp – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13758:2023	Bảng dán vạch kẻ đường phản quang định hình có thời hạn sử dụng cao – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13858-1:2023	Đường sắt – Đá ba lát – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 14158:2024	Viên đá tự nhiên bó vỉa ngoài trời
TCVN 14183:2024	Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phân loại đất
TCVN 14270:2024	Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) – Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu
TCVN 14326:2024	Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu cho nền, móng đường giao thông – Yêu cầu chung
TCVN 14552-1:2025	Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt và tấm đỡ bằng bê tông cho đường ray – Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 14552-2:2025	Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt và tấm đỡ bằng bê tông cho đường ray – Phần 2: Tà vẹt dự ứng lực một khối
TCVN 14553-1:2025	Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt, tấm đỡ và tà vẹt trên mặt cầu hỏ bằng composite polyme – Phần 1: Đặc tính vật liệu
TCVN 14553-2:2025	Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt, tấm đỡ và tà vẹt trên mặt cầu hỏ bằng composite polyme – Phần 2: Thử nghiệm sản phẩm
TCVN 14553-3:2025	Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt, tấm đỡ và tà vẹt trên mặt cầu hỏ bằng composite polyme – Phần 3: Yêu cầu chung
TCVN 14561-1:2025	Ứng dụng đường sắt – Chất lượng hình học đường ray – Phần 1: Đặc trưng hình học đường ray và chất lượng hình học đường ray

MÀNG ĐỊA KỸ THUẬT POLYETYLEN (HDPE) – THẨM ĐỊA KỸ THUẬT

TCVN 9748:2014	Màng địa kỹ thuật polyetylen khối lượng riêng lớn (HDPE) - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13901:2023	Thẩm địa kỹ thuật Composit gốc xi măng

THIẾT BỊ SÂN THỂ THAO

TCVN 13820:2023	Thiết bị sân thể thao – Cầu môn bóng đá – Yêu cầu chức năng, an toàn và phương pháp thử
TCVN 13821:2023	Thiết bị sân thể thao – Cầu môn bóng ném – Yêu cầu chức năng, an toàn và phương pháp thử
TCVN 13822:2023	Thiết bị sân thể thao – Cầu môn khúc côn cầu – Yêu cầu chức năng, an toàn và phương pháp thử
TCVN 13823:2023	Thiết bị sân thể thao – Cầu môn di động và cầu môn cố định bằng gỗ cắm – Yêu cầu chức năng, an toàn và phương pháp thử
TCVN 13824:2023	Thiết bị sân thể thao – Cầu môn nhẹ – Yêu cầu chức năng, an toàn và phương pháp thử

DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN ĐÃ HỦY BỎ

Ký hiệu Tiêu chuẩn	Tên Tiêu chuẩn
TCVN 182:1965	Khí cụ điện dùng trong công nghiệp. Dây dòng điện định mức
TCVN 183:1985	Công tắc, cầu dao. Dây dòng điện danh định
TCVN 184:1985	Dây chảy, cầu chảy. Dây dòng điện danh định
TCVN 1650:1985	Thép tròn cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 1654:1975	Thép cán nóng. Thép chữ C. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 1655:1975	Thép cán nóng. Thép chữ I. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 1656:1993	Thép góc cạnh đều cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 1657:1993	Thép góc cạnh không đều cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 1770:1986	Cát xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 1771:1987	Đá dăm, sỏi và sỏi dăm dùng trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 1834:1994	Công tắc

TCVN 2048:1993	Ổ và phích cắm điện một pha
TCVN 2103:1994	Dây điện bọc nhựa PVC
TCVN 2282:1993	Cầu dao và cầu dao đảo chiều. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 3100:1979	Dây thép tròn dùng làm cốt thép bê tông ứng lực trước
TCVN 3101:1979	Dây thép cacbon thấp kéo nguội dùng làm cốt thép bê tông
TCVN 3662:1981	Thiết bị phân phối điện trọn bộ vỏ kim loại, điện áp đến 10 kV. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 3724:1982	Dụng cụ và thiết bị điện. Dòng điện danh định
TCVN 3786:1994	Ống sành thoát nước và phụ tùng
TCVN 3787:1983	Role điện. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 3878:1983	Cầu chì có dòng điện danh định đến 10A. Dây dòng điện danh định
TCVN 4159:1985	Role dòng điện nhiệt. Yêu cầu kỹ thuật.
TCVN 4340:1994	Ván sàn bằng gỗ
TCVN 4353:1986	Đất sét để sản xuất gạch, ngói nung. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4906:1989	Đèn điện lắp sẵn. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4909:1989	Sản phẩm kỹ thuật điện. Cấp chịu nhiệt của cách điện
TCVN 5064:1994	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không
TCVN 5173:1990	Máy cắt điện tự động dòng điện đến 6300 A, điện áp đến 1000 V. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 5437:1991	Tấm gốm tráng men để ốp mặt trong tường
TCVN 5438:1991	Xi măng. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 5439:1991	Xi măng. Phân loại
TCVN 5441:1991	Vật liệu và sản phẩm chịu lửa - Phân loại
TCVN 5628:1991	Tấm cách điện. Yêu cầu kỹ thuật:
TCVN 5717:1993	Van chống sét
TCVN 5767:1993	Cầu chì điện áp trên 1000V
TCVN 5768:1993	Cầu dao điện áp trên 1000V
TCVN 5776:1993	Kính xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 5838:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Thanh, thỏi, ống và profin. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 5839:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Thanh, thỏi, ống và profin. Tính chất cơ lý
TCVN 5840:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Dạng thanh hình chữ nhật. Sai lệch kích thước và hình dạng
TCVN 5841:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Dạng profin. Sai lệch kích thước và hình dạng
TCVN 5842:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Dạng thanh hình tròn, vuông, sáu cạnh. Sai lệch kích thước và hình dạng
TCVN 5910:1995	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Thành phần hóa học và dạng sản phẩm. Phần 1: Thành phần hóa học
TCVN 5927:1995	Cầu chảy hạ áp. Yêu cầu bổ xung cho cầu chảy dùng trong gia đình và các mục đích tương tự
TCVN 6151-1:2002	Ống và phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6073:2005	Sản phẩm sứ vệ sinh. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6151-2:2002	Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 2: ống (có hoặc không có đầu nong)
TCVN 6151-3:2002	Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 3: Phụ tùng nối và đầu nối
TCVN 6151-4:2002	Ống và phụ tùng nối ống bằng Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 4: Van và trang bị phụ
TCVN 6151-5:2002	Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 6241:1997	Phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với các khớp nối dùng cho ống chịu áp lực – Chiều dài nối – Dây thông số theo hệ mét
TCVN 6246:2003	Khớp nối đơn dùng cho ống chịu áp lực bằng Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PV C - U) và bằng Poly (vinyl clorua) clo hóa (PVC-C) với các vòng đệm đàn hồi – Độ sâu tiếp giáp tối thiểu
TCVN 6247:2003	Khớp nối kép dùng cho ống chịu áp lực bằng Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) với các vòng đệm đàn hồi – Độ sâu tiếp giáp tối thiểu
TCVN 6251:1997	Phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng cho ống chịu áp lực – Chiều dài nối và kích thước ren – Dây thông số theo hệ mét
TCVN 6252:1997	Phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với vòng đệm đàn hồi dùng cho ống chịu áp lực – Kích thước chiều dài nối – Dây thông số

theo hệ mét

TCVN 6285:1997	Thép cốt bê tông. Thép thanh vằn
TCVN 6286:1997	Thép cốt bê tông. Lưới thép hàn
TCVN 6414:1998	Gạch gốm ốp lát. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6571:1999	Công tơ điện xoay chiều kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,2 S và 0,5 S)
TCVN 6572:1999	Công tơ điện xoay chiều kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 1 và 2)
TCVN 6610-6:2000	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V- Phần 6: Cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho mỗi nối di động
TCVN 6883:2001	Gạch gốm ốp lát. Gạch granit. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6884:2001	Gạch gốm ốp lát có độ hút nước thấp. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6934:2001	Sơn tường - Sơn nhũ tương. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 7132:2002	Gạch gốm ốp lát. Định nghĩa, phân loại, đặc tính kỹ thuật và ghi nhãn
TCVN 7133:2002	Gạch gốm ốp lát, nhóm BIIb ($6\% < E \leq 10\%$) – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7134:2002	Gạch gốm ốp lát, nhóm BIII ($E > 10\%$) – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7483:2005	Gạch gốm ốp lát đùn dẻo. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7571-5:2006	Thép hình cán nóng. Phần 5: Thép góc cạnh đều và không đều. Dung sai hệ mét và hệ inch
TCVN 7745:2007	Gạch gốm ốp lát ép bán khô. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8789:2011	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử
TCVN 9070:2012	Ống nhựa gân xoắn HDPE
TCXD 86:1981	Gạch chịu axit
TCXD 127:1985	Cát mịn để làm bê tông và vữa xây dựng. Hướng dẫn sử dụng.
TCXD 192:1996	Cửa gỗ. Cửa đi, cửa sổ. Yêu cầu kỹ thuật
TCXD 208:1998	Đá Bazan làm phụ gia cho xi măng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCXD 231:1999	Chất kết dính vôi - Đá bazan - Yêu cầu kỹ thuật
TCXD 237:1999	Cửa kim loại. Cửa đi, cửa sổ - Yêu cầu kỹ thuật chung
TCXD 258:2001	Hỗn hợp vữa xi măng không co - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử
TCXDVN 151:1986	Cát sử dụng trong công nghiệp thủy tinh. Yêu cầu kỹ thuật

TCXDVN 167:2002	<i>Xi măng để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng</i>
TCXDVN 168:1989	<i>Thạch cao dùng để sản xuất xi măng</i>
TCXDVN 272:2002	<i>Ống nhựa gân xoắn HDPE</i>
TCXDVN 283:2002	<i>Tiêu chuẩn amiăng crizôlin dùng cho sản xuất tấm sóng amiăng xi măng</i>
TCXDVN 290:2002	<i>Bảng chắn nước dùng trong mỗi nôi công trình xây dựng - Yêu cầu sử dụng</i>
TCXDVN 291:2002	<i>Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh xây dựng - Đá vôi dạng cục và dạng bột mịn</i>
TCXDVN 295:2003	<i>Vật liệu chịu lửa - Gạch kiểm tính manhedi spinel và manhedi crom dùng cho lò quay</i>
TCXDVN 302:2004	<i>Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật</i>
TCXDVN 310:2004	<i>Vật liệu lọc dạng hạt dùng trong hệ thống xử lý nước sạch – Yêu cầu kỹ thuật</i>
TCXDVN 311:2004	<i>Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume và tro trấu nghiền mịn</i>
TCXDVN 316:2004	<i>Block bê tông nhẹ - Yêu cầu kỹ thuật</i>
TCXDVN 321:2004	<i>Sơn xây dựng - Phân loại</i>
TCXDVN 322:2004	<i>Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền</i>
TCXDVN 324:2004	<i>Xi măng xây trát.</i>
TCXDVN 325:2004	<i>Phụ gia hoá học cho bê tông</i>
TCXDVN 328:2004	<i>Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính</i>
TCXDVN 337:2005	<i>Vữa và bê tông chịu axit</i>
TCXDVN 349:2005	<i>Cát nghiền cho bê tông và vữa</i>
TCXDVN 350:2005	<i>Gạch chịu lửa cho lò quay - Kích thước cơ bản</i>
TCXDVN 367:2006	<i>Vật liệu chống thấm trong xây dựng - Phân loại</i>
TCXDVN 368:2006	<i>Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương bitum Polyme</i>
TCXDVN 372:2006	<i>Ống bê tông cốt thép thoát nước</i>
TCXDVN 392:2007	<i>Cống hộp bê tông cốt thép đúc sẵn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử</i>

